

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXX ngày 11 tháng 4 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 73/TTr-TNMT ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm” của Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXX;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXX, địa chỉ tại số nhà 45C đường Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm” tại Lô D3-3, đường quy hoạch A3-A5, Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D3-3, đường quy hoạch A3-A5, Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số doanh nghiệp 5901168166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 05/4/2021, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/6/2021.

1.4. Mã số thuế: 5901168166

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất bê tông

thương phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 6.003 m².

- Công suất thiết kế: 32.000m³/năm, tương đương 76.000 tấn/năm. Sản lượng bê tông thương phẩm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXK.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXK có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Khoáng sản SXK;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D90 với tổng chiều dài 4 mét từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước rửa từ trạm trộn bê tông thương phẩm được thu gom chảy về bể chứa bằng bê tông (gồm 02 bể với kích thước mỗi bể là $D \times H \times R = 4 \times 0,5 \times 2,5$ m), sau đó nước tự chảy theo mương hở có song chắn rác (mương BT kích thước 25×15 cm, tổng chiều dài 57 m) về bể lắng (kích thước $D \times H \times R = 40 \times 2 \times 5$ m) để xử lý sơ bộ sau đó nước tiếp tục theo mương hở có song chắn rác (mương BT kích thước 30×30 cm, dài 37 m) vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Bình và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để xử lý.

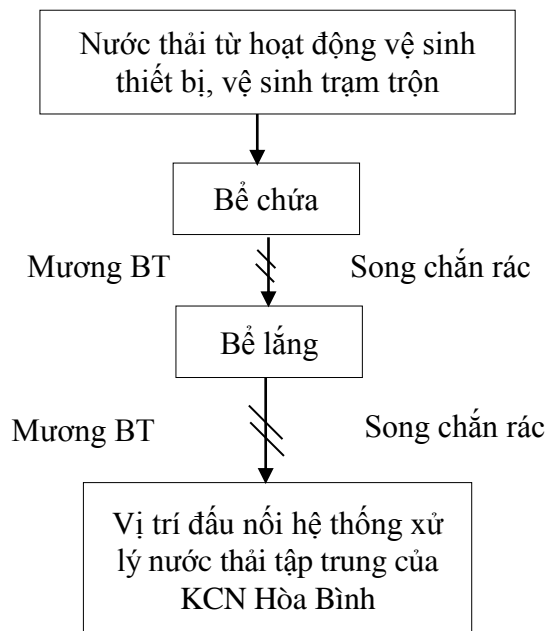
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên trong khu vực nhà máy có dung tích thiết kế là $1,57 \text{ m}^3$, đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Nước thải sau xử lý qua hầm tự hoại sẽ đưa qua giếng thấm và thấm vào đất:

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trạm trộn, thiết bị sau được thu gom về hố thu, tại đây nước sẽ được tách rác thải, cặn bằng lưới chắn rác đồng thời nước sẽ được lắng lọc; nước sau khi lắng được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Bình công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm để tiếp tục. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Bình.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại nhà máy.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực đặt dây chuyền sản xuất cần bố trí hợp lý, cách ly với khu vực văn phòng và các dự án lân cận để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác 250 ÷ 300), tăng chiều sâu móng để tránh rung theo mặt nền.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Yêu cầu các xe không vận hành tắt máy, bố trí riêng các khu vực tập trung xe tải, xe máy.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bít tai, mũ bảo hộ có chức năng chống ồn...).

- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ ca kíp hợp lý để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh quanh các nhà xưởng tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

- Tuân thủ: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 1. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTNH của nhà máy

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	5,5
2	Bao bì kim loại cứng thải (Thùng phuy chứa dầu mỡ)	18 01 02	Rắn	17
3	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	13
4	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	25
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	3,5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	45
7	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	1,5
	Tổng khối lượng			110,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bảng 2. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTR sản xuất

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Cát, đá, xi măng rơi vãi	kg/ngày	12
2	Bao bì phụ gia		3
3	Bùn thải từ bể chứa, bể lắng		50
	Tổng	kg/ngày	65

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 6,3 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền bê tông cao và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 01 thùng nhựa 240 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được tập trung tại điểm thu gom rác thải trong Khu công nghiệp và đưa đi xử lý hợp vệ sinh (Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày)

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.
- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.